

UNND PHƯỜNG BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG MẦM NON HOA MAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 708/BC-MNHN

Bình Dương, ngày 31 tháng 12 năm 2025

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2026**

(Theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

Trường Mầm non Hoa Mai

2. Địa điểm trụ sở chính: Số 547, khu phố Phú Mỹ 4, đường Huỳnh Văn Lũy, phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh

- Điện thoại: 0274.3.821.286 Fax: không

Website: <https://mnhoamai.phuongbinhduong.edu.vn/>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu

Loại hình: Công lập

Cơ quan quản lý trực tiếp: Ủy ban nhân dân Xã/Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

Sứ mệnh: Tạo dựng môi trường thân thiện, có kỷ cương, tình thương, trách nhiệm, chất lượng chăm sóc, giáo dục cao, giúp trẻ mầm non có nhiều cơ hội học tập, trải nghiệm để trẻ phát huy tích cực, sáng tạo, mạnh dạn tự tin vững bước vào tương lai.

Tầm nhìn: Một ngôi trường thân thiện, uy tín, chất lượng, trẻ luôn mạnh dạn, tự tin, sáng tạo, có kỹ năng giải quyết các vấn đề, có ý chí nỗ lực, biết yêu thương, quan tâm chia sẻ, hướng tới khẳng định được giá trị bản thân của mỗi đứa trẻ.

Mục tiêu chung: Xây dựng nhà trường thân thiện, có uy tín về chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, là mô hình giáo dục tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

- Trường Mẫu giáo xã Phú Mỹ thành lập từ năm 1985

- Từ 23/3/2017 đến nay chuyển đổi trường Mẫu giáo Hoa Mai sang Trường Mầm non Hoa Mai theo Quyết định số 358/QĐ-UBND của UBND thành phố Thủ Dầu Một

Từ khi được thành lập năm 9/11/1985, đến nay, trường có 17 lớp học với 508 trẻ, Cơ sở vật chất của trường tuy còn thiếu một số hạng mục nhưng vẫn đảm bảo cho hoạt động dạy và học.

Trường đã vinh dự được nhận cờ thi đua khởi mầm non công lập của UBND Thành phố Hồ Chí Minh; Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong đổi mới công tác quản lý và giảng dạy; Bằng khen của UBND Tỉnh hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ

Người đại diện pháp luật: Lê Thị Tuyết Mai

Chức vụ: Hiệu trưởng.

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Mầm non Hoa Mai

Số điện thoại: 0274.3821286

Email: mnhoamai.binhduong@hcm.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập trường

- Ngày 9/11/1985: Thành lập trường mẫu giáo xã Phú Mỹ theo Quyết định số:232/QĐ - UB của UBND thị xã Thủ Dầu Một

- Từ 23/3/2017 đến nay: Trường Mầm non Hoa Mai, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Quyết định số: 358/QĐ-UBND của UBND thành phố Thủ Dầu Một

b) *Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường*

- Quyết định số 223/QĐ-MNHN ngày 31/01/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một về việc bổ sung, kiện toàn Hội đồng trường mầm non Hoa Mai

Danh sách hội đồng trường:

STT	Giới tính	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh	Nhiệm kỳ
1	Bà	Lê Thị Tuyết Mai	Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	2024-2028
2	Bà	Nguyễn Thị Mỹ Diễm	PHT-CTCD	Thành viên	2024-2028
3	Bà	Huỳnh Thị Nhị	Phó hiệu trưởng	Thành viên	2024-2028
4	Bà	Nguyễn Hoàng Mỹ Tiên	CC Văn hóa xã hội phường	Thành viên	2024-2028

5	Bà	Lê Thị Dinh	Trưởng BDD cha mẹ trẻ	Thành viên	2024-2028
6	Bà	Mai Thị Thùy Dương	Bí thư Chi đoàn	Thành viên	2024-2028
7	Bà	Lê Thị Mơ	Tổ trưởng tổ khối Mầm	Thành viên	2024-2028
8	Bà	Nguyễn Thị Kim Cúc	Tổ trưởng tổ khối Chồi	Thành viên	2024-2028
9	Bà	Trần Thị Bích Trâm	Tổ trưởng tổ khối Lá	Thành viên - Thư ký HĐT	2024-2028
10	Bà	Nguyễn Lê Ngọc Như	Tổ trưởng tổ Cấp dưỡng	Thành viên	2024-2028
11	Bà	Trần Thị Huyền	Tổ trưởng tổ Văn phòng	Thành viên	2024-2028

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

+ Hiệu trưởng: Bà Lê Thị Tuyết Mai – Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 24/7/2025

+ Phó Hiệu trưởng: Bà Nguyễn Thị Mỹ Diễm - Quyết định số: 139/QĐ-UBND ngày 24/7/2025

+ Phó Hiệu trưởng: Bà Huỳnh Thị Nhị - Quyết định số: 135/QĐ-UBND ngày 24/7/2025

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

Cơ chế hoạt động của trường là cơ chế tự chủ một phần hoạt động theo quy định pháp luật (thuộc nhóm 3), dưới sự quản lý trực tiếp của cơ quan giáo dục và chính quyền địa phương, có Hội đồng trường làm nòng cốt quản trị, Hiệu trưởng điều hành; đảm bảo dân chủ, công khai, lấy hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ làm trung tâm.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục: là cơ sở giáo dục mầm non với nhiệm vụ chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ mang tính toàn diện, quản lý trẻ, đội ngũ, tài chính, cơ sở vật chất; đồng thời có quyền chủ động về kế hoạch tổ chức hoạt động, huy động

nguồn lực, phối hợp với cha mẹ trẻ nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

- Nhà trường thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao là tổ chức thực hiện nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ từ 24-36 tháng đến 5-6 tuổi. Thực hiện phát triển chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, nâng cao chất lượng về đội ngũ về trình độ, năng lực công tác và kỹ năng giảng dạy.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của đơn vị:

- + 01 Hội đồng trường với 11 thành viên.
- + 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.
- + 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.
- + Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 35 đảng viên.
- + Tổ chức Công đoàn có 56 công đoàn viên.
- + Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 11 đoàn viên.
- + Ban đại diện Cha mẹ trẻ có 11 thành viên.
- + Có 05 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có): không có

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	Thư điện tử
1	Lê Thị Tuyết Mai	Hiệu trưởng	0938914939	letuyetmaile82@gmail.com
2	Huỳnh Thị Nhị	Phó Hiệu trưởng	0945451359	huynhnhhi80@dt@gmail.com
3	Nguyễn Thị Mỹ Diễm	Phó Hiệu trưởng	0909352759	nguyendiem2613939@gmail.com

8. Các văn bản khác: Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2019-2025 Số 16 /KH-HM ngày 06 tháng 02 năm 2020; thực hiện quy chế dân chủ; nghị quyết hội đồng trường... đã triển khai thực hiện và công khai, niêm yết theo quy định.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo				
			Ths	Cử nhân	CĐ	TC	Dưới TC
	Tổng số giáo viên, CBQL và nhân viên	58	01		8	2	
I	Cán bộ quản lý	3	1	2	0	0	0
1	Hiệu trưởng	1	1				
2	Phó hiệu trưởng	2		2	0	0	0
II	Giáo viên	38	0	27	9	2	
1	Nhà trẻ	5	0	4		1	
2	Mẫu giáo	33		23	9	1	
III	Nhân viên	17	0	1	0	3	13
1	Nhân viên Văn thư	01				1	
2	Nhân viên Kế toán	01		1			
3	Nhân viên Y tế	01				1	
4	Nhân viên Cấp dưỡng	09				1	8
5	Nhân viên Phục vụ	02					2
6	Nhân viên Bảo vệ	03					3

2. Số lượng, tỉ lệ CBQL, giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp:

STT	Nội dung	Năm học 2024-2025 (Kết quả đạt)
1	Cán bộ quản lý	03
	Số lượng	03 (02 tốt; 01 khá)

	Tỷ lệ	100%
2	Giáo viên	34 (18: XL Tốt; 16: XL: Khá)
	Tỷ lệ	100%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo 2025	Năm trước liền kề năm báo cáo 2024
1	Diện tích đất	8.857,1m ²	8.857,1m ²
2	Diện tích sàn/người học (m ²)	4.084,93m ²	4.084,93m ²
3	Tỷ lệ giáo viên có chỗ làm việc riêng biệt	0	0
4	Số đầu sách	508	530
5	Số bản sách/người học	01/trẻ	01/trẻ

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Tên trường	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
1	Trường Mầm non Hoa Mai	547, đường Huỳnh Văn Lũy, Khu phố Phú Mỹ 4, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh	8.857,1	4.084,93

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

2. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học trước:

STT	Nội dung	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026
1	Tổng số lớp	17	17
1.1	Nhóm trẻ	02	02
1.2	Mẫu giáo	15	15
2	Tổng số trẻ	530	508

2	Tổng số trẻ nhóm trẻ	37	49
2.1	Số trẻ bình quân/nhóm	18.5	24.5
3	Tổng số trẻ mẫu giáo	493	459
3.1	Số trẻ bình quân/lớp	32.8	30.6
4	Số trẻ học 2 buổi/ngày	530	508
5	Số trẻ được tổ chức ăn bán trú	530	508
6	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	530	508
6.1	<i>Số trẻ em được có tình trạng dinh dưỡng bình thường</i>	408	447
6.2	<i>Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân</i>	9	2
6.3	<i>Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi</i>	10	10
6.4	<i>Số trẻ suy dinh dưỡng thể hai thể</i>	10	2
6.5	<i>Số trẻ suy dinh dưỡng thể gầy còm</i>	5	0
6.6	<i>Số trẻ thừa cân béo phì</i>	88	49
7	Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi	công nhận đạt PCGD trẻ 5 tuổi 100% trẻ 5 tuổi HTCT	công nhận đạt PCGD trẻ 5 tuổi 100% trẻ 5 tuổi HTCT
8	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0	0

CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN CHĂM SÓC SỨC KHỎE BAN ĐẦU
NĂM 2025 (Đến ngày 31/12/2025)

DVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
I	Tồn đầu kỳ - cuối năm trước chuyển sang tại KBNN	0	
II	Tổng thu (BHXH chuyển về)	0	
III	Tổng số chi		

1	Chi tiền mua thuốc y tế cho hs	1.358.150	Chi tiền hoạt động của trẻ
2	Chi tiền mua thuốc y tế cho hs	2.240.900	
3	Chi tiền photo giấy khám sức khỏe cho hs đầu năm học 2025-2026	6.420.000	
IV	Tồn cuối kỳ - thời điểm 31/12/2025 tại KBNN		0

10. Tăng cường công tác truyền thông giáo dục

Trong năm học vừa qua, nhà trường tăng cường công tác truyền thông giáo dục, trong đó tập trung các nội dung như:

- Tổ chức tập huấn cho CBGVNV thực hiện xử trí hóc dị vật và sơ cấp cứu vết thương, TTYT Thành phố Khu vực 2 hướng dẫn.
- Thực hiện tuyên truyền theo kế hoạch đã xây dựng. Nội dung tuyên truyền giáo dục, chăm sóc nuôi dưỡng, y tế: 02 nội dung/ tháng.
- Tuyên truyền các văn bản pháp luật về lĩnh vực GDMN, trẻ em .
- Tuyên truyền phòng chống dịch bệnh trong nhà trường
- Các chế độ chính sách cho trẻ mầm non.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt): Trường Mầm non Hoa Mai

- Tiếp tục triển khai thực hiện công tác Kiểm định chất lượng giáo dục - chuẩn quốc gia theo Thông tư 19. Hội đồng tự đánh giá các tiêu chuẩn theo quy định. Có kế hoạch thực hiện các biện pháp cải tiến khắc phục điểm yếu đã xác định. Năm học 2024-2025 thực hiện tự đánh giá, kết quả:

- + Mức 1: Số lượng tiêu chí đạt: 25/25 tiêu chí, đạt tỉ lệ: 100%
- + Mức 2: Số lượng tiêu chí đạt: 25/25 tiêu chí. Đạt tỉ lệ: 100%
- + Mức 3: Số lượng tiêu chí đạt: 18/18 tiêu chí. Đạt tỉ lệ: 100%

Cụ thể: Đánh giá tiêu chí từ Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	x

Tiêu chí 1.2		X	X	-
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	X
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	-
Tiêu chí 1.8		X	X	-
Tiêu chí 1.9		X	X	-
Tiêu chí 1.10		X	X	-
<i>Tiêu chuẩn 2</i>				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	X
<i>Tiêu chuẩn 3</i>				
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	X
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	X
Tiêu chí 3.5		X	X	X
Tiêu chí 3.6		X	X	-
<i>Tiêu chuẩn 4</i>				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
<i>Tiêu chuẩn 5</i>				

Tiêu chí 5.1		x	x	x
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	x
Tiêu chí 5.4		x	x	x

Kết quả: Tự đánh giá Đạt Mức 3

2. Kết quả đánh giá ngoài và tái công nhận đạt kiểm định đạt chất lượng giáo dục theo lộ trình: (thời điểm 31/12/2024)

- Nhà trường đã thành lập hội đồng tự đánh giá, xây dựng kế hoạch, phân công cụ thể trách nhiệm. Hoàn thành đảm bảo theo tiến độ. Đón đoàn đánh giá ngoài thẩm định trong năm học 2024-2025.

- Quyết định số 1595/QĐ-SGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2024 quyết định Về việc công nhận Trường mầm non Hoa Mai, thành phố Thủ Dầu Một đạt kiểm định chất lượng giáo dục

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục trong năm học:

a) Kế hoạch hoạt động tuyển sinh, trong đó quy định rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan;

- Nhà trường thực hiện theo Kế hoạch số 221/KH-MNHN ngày 22/5/2025 của trường mầm non Hoa Mai về Kế hoạch tuyển sinh năm học 2025-2026.

- Thực hiện thông báo tuyển sinh số 222/TB-MNHN ngày 22/5/2025 của trường mầm non Hoa Mai trong đó quy định rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, mốc thời gian thực hiện tuyển sinh được đăng tải lên cổng thông tin điện tử của nhà trường.

- Tuyển sinh trẻ từ: 24 tháng đến 36 tháng tuổi (trẻ sinh từ tháng 1/2023- 9/2023), 3-4, 4-5 tuổi và 5- 6 tuổi có hộ khẩu tại phường hoặc tạm trú tại địa bàn phường.

- Chỉ tiêu tuyển sinh (được giao: 500 trẻ), cụ thể là trẻ 24 tháng đến 36 tháng: 50 trẻ; trẻ Mầm (3-4) tuổi: 85 trẻ; trẻ Chồi (4-5 tuổi): 20 trẻ; trẻ Lá (5-6 tuổi): 7 trẻ

- Từ 02/6/2025 đến 10/6/2025 trường thực hiện tuyển sinh trực tuyến khu 1,2,3,4,5,6,7,8 phường Phú Mỹ. Thực hiện sĩ số trẻ theo độ tuổi quy định tại Điều lệ trường mầm non. Ưu tiên trẻ tuyển sinh 100% trẻ 5 tuổi vào lớp mẫu giáo (không phân biệt thường trú hay tạm trú)

b) Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục;

- Thực hiện Kế hoạch số 400/KH-MNHN ngày 5/9/2025 của trường mầm non Hoa Mai về Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học.

- Kế hoạch số 430/KH-MNHN ngày 8/9/2025 của trường mầm non Hoa Mai về Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chăm sóc giáo dục năm học 2025-2026.

- Kế hoạch số 431/KH-MNHN ngày 8/9/2025 của trường mầm non Hoa Mai về Kế hoạch Giáo dục năm học 2025-2026.

- Kế hoạch số 435/KH-MNHN ngày 8/9/2025 của trường mầm non Hoa Mai về Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chăm sóc nuôi dưỡng năm học 2025-2026.

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục mầm non với gia đình và xã hội;

- Thực hiện Quy chế phối hợp hoạt động trong nhà trường giữa Ban đại diện cha mẹ trẻ và nhà trường nhằm thực hiện tốt nhất, có hiệu quả nhất những điều Luật Giáo dục quy định theo phương châm “Dân biết, dân làm, dân kiểm tra”. Trong các hoạt động của nhà trường thông qua các hình thức dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện, đảm bảo cho công dân, cơ quan, tổ chức được quyền giám sát, kiểm tra, đóng góp những ý kiến tham gia xây dựng sự nghiệp giáo dục “Thực sự là của dân, do dân và vì dân”.

- Thực hiện quy chế phối hợp hoạt động trong nhà trường nhằm phát huy quyền làm chủ và huy động tiềm năng trí tuệ của Hiệu trưởng, nhà giáo, người học, đội ngũ cán bộ, viên chức trong nhà trường theo luật định, góp phần xây dựng nề nếp, trật tự, kỷ cương trong mọi hoạt động của nhà trường, ngăn chặn các hiện tượng tiêu cực và tệ nạn xã hội, thực hiện nhiệm vụ phát triển giáo dục phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng và pháp luật của nhà nước.

d) Thực đơn hàng ngày của trẻ em;

Thực đơn hàng ngày cho trẻ cần đảm bảo cân bằng 4 nhóm chất: bột đường (Cơm, cháo, phở,...), chất đạm (Thịt, cá, trứng, tôm,...), chất béo (Dầu ăn, bơ,...), vitamin và khoáng chất (rau xanh, trái cây) đa dạng và luân phiên món trong tuần tránh nhàm chán và trùng lặp thực phẩm trong món ăn, thức ăn chế biến thái nhỏ, mềm phù hợp với từng độ tuổi, vị thức ăn vừa trẻ, luôn tạo sự hấp dẫn về màu sắc và giữ hương vị cho từng món, đảm bảo trẻ hấp thu đủ dinh dưỡng. Đa dạng 08 nhóm thực phẩm. Được đăng tải hàng tuần trên cổng thông tin điện tử và được dán công khai trên bản tin trước cổng của nhà trường.

đ) Các dịch vụ giáo dục mầm non theo quy định (nếu có).

- Nhà trường xây dựng kế hoạch và đã triển khai thực hiện sau khi nhận được sự đồng thuận của cha mẹ trẻ trong cuộc họp cha mẹ trẻ đầu năm học.

- Nhà trường phối hợp với các đơn vị tổ chức hoạt động ngoại khóa cho trẻ: Trung tâm Ngoại ngữ Tân Á Châu, Trung tâm Thể dục thể thao Hoàng Nga, nhằm giáo dục kỹ năng sống, phát triển năng khiếu cho trẻ.

- Các hoạt động ngoại khóa tại đơn vị đã bước đầu mang lại hiệu quả tích cực, góp phần phát triển toàn diện về thể chất, ngôn ngữ và kỹ năng sống cho trẻ.

- Căn cứ phiếu trưng cầu ý kiến và tổng hợp danh sách phụ huynh đồng ý cho trẻ tham gia hoạt động ngoại khóa của trường với tổng số trẻ:

+ Làm quen tiếng anh: 375 trẻ

+ Thể dục nhịp điệu: 412 trẻ

2. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học trước:

a) Tổng số trẻ em; tổng số nhóm, lớp; số trẻ em tính bình quân/nhóm, lớp (hoặc nhóm, lớp ghép);

2.1. Số nhóm lớp:

Khối	Số lớp	Trẻ	Ghi chú
Nhóm trẻ	2	49	
Mầm	3	88	
Chồi	6	168	
Lá	6	203	
Tổng cộng	17	508	

2.2. Trẻ em:

STT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Tổng số trẻ em	508	
	- <i>Nữ</i>	248	
	- <i>Dân tộc thiểu số</i>	6	
2	Khuyết tật	0	
3	Số trẻ em học 02 buổi/ngày	508	
4	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	508	
5	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ	508	

2.3. Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi;

- Nhà trường đã triển khai thực hiện nghiêm túc: Kế hoạch số 2706/KH-UBND ngày 18/4/2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ trên địa bàn Thành Phố Hồ Chí Minh năm 2025; Hướng dẫn số 4330/SGDDĐT-GDPT ngày 10/11/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện lưu trữ, sắp xếp hồ sơ và quy trình thực hiện các nội dung về kiểm tra công nhận kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2025.

- Duy trì giữ vững kết quả phổ cập năm 2024 và tiếp tục nâng cao chất lượng Phổ cập giáo dục mầm non trẻ em 5 tuổi năm 2025.

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng trẻ em đang học (chia theo số lượng trẻ em là người Việt Nam và số lượng trẻ em là người nước ngoài).

- Nhà trường xây dựng kế hoạch và đã triển khai thực hiện sau khi nhận được sự đồng thuận của cha mẹ trẻ trong cuộc họp cha mẹ trẻ.

- Nhà trường thực hiện chương trình GDMN do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phát triển chương trình theo các chủ đề. Vận dụng phương pháp tiên tiến Steam vào trong qua trình giảng dạy. Ứng dụng trí tuệ nhận tạo AI đưa vào thiết kế hoạt động.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐẾN NGÀY 30/12/2025

Đvt: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí, thu sự nghiệp	304
1.1	Học phí	304
1.2	Thu sự nghiệp	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	304
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	304
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	304
	Học phí	304
	Thu sự nghiệp	-
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	13.239

1	Sự nghiệp Giáo dục, đào tạo và dạy nghề	13.239
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8.690
	Trong đó: - Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (13)	8.304
	- Bổ sung từ nguồn CCTL của tỉnh (14)	0
	- Chi khen thưởng nguồn (18) khen thưởng theo quy định	386
	* Đã trừ tiết kiệm theo quy định	104
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4.549
	Trong đó: - Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (12)	1.477
	- Bổ sung từ nguồn CCTL của tỉnh (14)	3.072
	* Đã trừ tiết kiệm theo quy định	0

CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CẤP
NĂM 2025 (Đến ngày 30/12/2025) ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
I	Dự toán năm trước chuyển sang	248	
	Trong đó: - Trong khoán	248	
	- CCTL	0	
	- Ngoài khoán	0	
	- Sửa chữa	0	
	- Mua sắm (Trang bị PCCC)	0	
I	Dự toán được giao năm 2025	13.239	
	Trong đó: - Trong khoán	8.304	
	- Khen thưởng NĐ73	386	

	- Ngoài khoán	1.477	
	- CCTL	3.072	
II	Tổng dự toán điều chỉnh giảm	0	
	Trong đó: - Trong khoán	0	
	- CCTL	0	
	- Ngoài khoán	0	
	- Dự toán giữ lại (nguồn)	0	
	- Mua sắm	0	
II	Tổng dự toán được sử dụng năm 2025	13.487	
	Trong đó: - Trong khoán	8.552	
	- Khen thưởng NĐ73	386	
	- Ngoài khoán	1.477	
	- CCTL	3.072	
	- Dự toán giữ lại (nguồn 28)	19	
	- Mua sắm	0	
III	Tổng kinh phí đã sử dụng đến ngày 30/12/2025	10.545	
	Trong đó: - Trong khoán (chi tiết đính kèm)	8.363	
	- CCTL		
	- Ngoài khoán (chi tiết đính kèm)	1.242	
	- Ngoài khoán (CCTL nguồn 14)	940	
	- Sửa chữa		
	- Mua sắm		
IV	Tổng kinh phí còn tại KBNN	2.942	
	Trong đó: - Trong khoán	557	

	- CCTL		
	- Ngoài khoản	2.366	
	- Dự toán giữ lại (nguồn 28)	19	
	- Mua sắm		

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC ĐẾN NGÀY 30/12/2025

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Ghi chú
	Năm trước mang sang	845	845	
I	Quyết toán thu	304	304	
A	Tổng số thu	304	304	
1	Số thu phí, lệ phí			
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ			
3	Thu sự nghiệp khác	304	304	
B	Chi từ nguồn thu được để lại			
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại	1.012	1.012	
1.1	Chi sự nghiệp.....	1.012	1.102	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	184	184	
	Chi lương	828	828	
	Chi vật tư văn phòng			
	Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở			
	Chi mua báo tạp chí của Đảng			
	Chi trợ cấp cấp ủy			
	Chi tiền tết			

b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
1.2	Chi quản lý hành chính			
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ			
3	Hoạt động sự nghiệp khác		-	
6900	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng		-	
6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác		-	
7750	Chi khác	-	-	
7799	Chi các khoản khác		-	
C	Số thu nộp NSNN			
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN			
1.1	Lệ phí			
	Lệ phí A			
	Lệ phí B			
1.2	Phí			
	Phí A			
	Phí B			
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ			
3	Hoạt động sự nghiệp khác			
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước			
1	Chi quản lý hành chính			

1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
2	Nghiên cứu khoa học			
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>			
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>			
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>			
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng			
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề			
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8.363	8.363	
	Nguồn kinh phí tự chủ - Nguồn 13	8.363	8.363	
6000	Tiền lương	3.469	3.469	
6001	Lương theo ngạch, bậc	3.469	3.469	
6003	Lương hợp đồng theo chế độ			
6050	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	922	922	
6051	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	922	922	
6100	Phụ cấp lương	1.660	1.660	
6101	Phụ cấp chức vụ	68	68	

6107	Phụ cấp độc hại			
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	1.090	1.090	
6113	Phụ cấp trách nhiệm	5	5	
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	497	497	
6200	Tiền thưởng	386	386	
6201	Thưởng thường xuyên theo nghị định 73CP	386	386	
6250	Phúc lợi tập thể	18	18	
6299	Chi khác (tiền nước uống)			
6300	Các khoản đóng góp	1.160	1.160	
6301	Bảo hiểm xã hội	846	846	
6302	Bảo hiểm y tế	150	150	
6303	Kinh phí công đoàn	89	89	
6349	Các khoản đóng góp khác	25	25	
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	50	50	
6400	Các khoản thanh toán khác cho các nhân	0	0	
6404	Chi chênh lệch thu nhập thực tế so với lương ngạch bậc, chức vụ	0	0	
6449	Trợ cấp, phụ cấp khác	0	0	
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	134	134	
6501	Tiền điện	126	126	
6502	Tiền nước	2	2	
6504	Tiền vệ sinh, môi trường	6	6	
6550	Vật tư văn phòng	105	105	
6551	Văn phòng phẩm	11	11	

6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	0	0	
6553	Khoản văn phòng phẩm	10	10	
6599	Vật tư văn phòng khác	84	84	
6600	Thông tin tuyên truyền liên lạc	6	6	
6601	Cước phí điện thoại trong nước	3	3	
6605	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	3	3	
6608	Sách, báo, tạp chí, thư viện	0	0	
6618	Khoản điện thoại	0	0	
6649	Khác	0	0	
6700	Công tác phí	33	33	
6701	Tiền vé máy bay, tàu xe	10	10	
6702	Phụ cấp công tác phí	6	6	
6703	Tiền thuê phòng ngủ	4	4	
6704	Khoản công tác phí	13	13	
6750	Chi thuê mướn	71	71	
6751	Chi thuê phương tiện vận chuyển	0	0	
6754	Thuê thiết bị các loại	0	0	
6757	Thuê lao động trong nước	22	22	
6758	Thuê đào tạo lại cán bộ	2	2	
6799	Chi phí thuê mướn khác	47	47	
6900	Chi sửa chữa thường xuyên TSCĐ	120	120	
6912	Các thiết bị công nghệ thông tin	10	10	

6913	Tài sản và thiết bị văn phòng (Máy photocopy)	3	3	
6916	Máy bơm nước	0	0	
6917	Bảo trì và hoàn thiện phần mềm máy tính	0	0	
6921	Đường điện, cấp thoát nước	0	0	
6949	Các tài sản khác	107	107	
6950	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	0	0	
6999	Tài sản và thiết bị khác	0	0	
7000	Chi nghiệp vụ chuyên môn	235	235	
7001	Chi mua hàng hóa, vật tư dùng cho chuyên môn	94	94	
7004	Chi trang phục, đồng phục	0	0	
7049	Chi nghiệp vụ chuyên môn khác	141	141	
7050	Mua sắm tài sản vô hình	2	2	
7053	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	2	2	
7750	Chi khác	42	42	
7756	Chi các khoản phí và lệ phí của các đơn vị dự toán	27	27	
7757	Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện	7	7	
7758	Chi hỗ trợ khác	0	0	
7761	Chi tiếp khách	0	0	
7764	Chi khen thưởng	0	0	
7799	Chi khác	8	8	
7950	Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu	0	0	

7951	Chi lập quỹ dự phòng ổn định thu nhập	0	0	
7952	Chi lập quỹ phúc lợi của đơn vị sự nghiệp	0	0	
7953	Chi lập quỹ khen thưởng của đơn vị sự nghiệp	0	0	
7954	Chi lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp	0	0	
7850	Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở	0	0	
7854	Chi thanh toán các dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin tuyên truyền, liên lạc, chi đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, công tác Đảng, các chi phí Đảng vụ khác và phụ cấp cấp ủy	0	0	
	Nguồn kinh phí không tự chủ - Nguồn 14 CCTL	940	940	
6000	Tiền lương	-	-	
6001	Lương theo ngạch bậc	-	-	
6003	Lương hợp đồng theo chế độ			
6100	Phụ cấp lương	-	-	
6101	Phụ cấp chức vụ	-	-	
6107	Phụ cấp độc hại	-	-	
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	-	-	
6113	Phụ cấp trách nhiệm	-	-	
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	-	-	
6400	Các khoản thanh toán khác cho các nhân	940	940	
6449	Trợ cấp, phụ cấp khác (trợ cấp IT HC)	940	940	

6300	Các khoản đóng góp	-	-	
6301	Bảo hiểm xã hội	-	-	
6302	Bảo hiểm y tế	-	-	
6303	Kinh phí công đoàn	-	-	
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	-	-	
	Nguồn kinh phí không tự chủ - Nguồn 12	1.242	1.242	
6100	Phụ cấp lương	287	287	
6105	Phụ cấp làm đêm, làm thêm giờ	287	287	
6150	Học bổng và chi hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	7	7	
6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	7	7	
6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	730	730	
6401	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi tiền ăn	8	8	
6449	Các khoản thanh toán khác cho các nhân	722	722	
6550	Vật tư văn phòng			
6599	Vật tư văn phòng khác			
6750	Chi phí thuê mướn	35	35	
6758	Thuê đào tạo lại cán bộ	8	8	
6799	Chi phí thuê mướn khác	26	26	
6900	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	11	11	
6949	Sửa chữa các tài sản và công trình hạ tầng khác, cắt tỉa hạ thấp cây xanh, sửa thiết bị	11	11	

	PCCC, Camera			
6950	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	0	0	
6956	Các thiết bị công nghệ thông tin	0	0	
7000	Chi nghiệp vụ chuyên môn	28	28	
7004	Đồng phục, trang phục	28	28	
7049	Chi nghiệp vụ chuyên môn khác	0	0	
7053	Chi mua, bảo trì phần mềm, phí tuyển sinh đầu cấp	0	0	
7750	Chi khác	144	144	
7766	Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	4	4	
7799	Chi các khoản khác: tiền tết	140	140	
7850	Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở	0	0	
7851	Chi mua báo tạp chí của Đảng	0	0	
8049	Chi khác: trợ cấp thôi việc	0	0	
	TỔNG CỘNG			

CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN HỌC PHÍ

NĂM 2025. (Đến ngày 30/12/2025)

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
I	Tồn đầu kỳ chuyển sang (tại KBNN)	844	
II	Tổng số thu	304	
	- Thu học phí:	304	
III	Tổng kinh phí sử dụng	1.148	
III	Tổng chi	1.012	

1.	Chi lương	828	
2.	Chi hoạt động	184	
3.	Chi tiền báo Đảng quý 1+2/202...	-	
4.	Chi mua vật tư văn phòng từ cấp bù học phí	-	
5.	Chi trợ cấp cấp ủy		
6.	Chi tiền tết 2024		
7.	Chi tiền điện		
8.	Chi tiền sửa chữa bàn ghế		
9.	Chi trích lập quỹ năm 2024		
10.	Chi mua sắm trang thiết bị nhỏ		
11.	Chi tiền nước sinh hoạt		
12.	Chi tiền cước dịch vụ viễn thông		
IV	Tồn cuối kỳ - thời điểm ngày 30/12/2025 (Tồn tại KBNN)	137	

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường đảm bảo sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, bố trí đội ngũ giáo viên hiệu quả

- Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã xây dựng kế hoạch năm học 2025-2026 Cụ thể như sau:

- Lãnh đạo nhà trường đã tổ chức xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình theo Chương trình GDMN phù hợp với tình hình thực tế của trường, đảm bảo yêu cầu thực hiện Chương trình GDMN của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Thực hiện tham mưu kế hoạch đầu tư, xây dựng, sửa chữa, nâng cấp trường khang trang đầu năm học mới; xây dựng kế hoạch mua sắm và sử dụng trang thiết bị dạy học, tài liệu sách trẻ đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và bồi dưỡng chuyên môn giáo viên có kiến thức ngay từ đầu năm học, bảo đảm an toàn trong trường học; xây dựng kế hoạch phòng chống dịch bệnh; có phương án PCCC.

- Tham mưu kinh phí trang bị bàn ghế, kệ đồ chơi...cho trẻ để đảm bảo các điều kiện thực hiện chương trình GDMN.

1.1. Đối với các lớp thực hiện Chương trình giáo dục mầm non:

- Xây dựng nề nếp đầu năm học giáo dục nề nếp, lễ giáo, kỹ năng sống cho trẻ, giúp trẻ mạnh dạn, tự tin trong giao tiếp.

- Tổ chức các hoạt động giáo dục được thực hiện linh hoạt, phù hợp với độ tuổi và điều kiện thực tế của từng lớp, đảm bảo mục tiêu phát triển toàn diện cho từng trẻ.

- Đối với hoạt động trải nghiệm, nhà trường tăng cường tổ chức các hoạt động trải nghiệm thực tế, hoạt động vui chơi, khám phá như tham quan doanh trại bộ đội, trải nghiệm thực hành kỹ năng thoát hiểm trong khói khí độc và phòng chống đuối nước,...

- Trong tổ chức hoạt động giáo dục trong ngày, giáo viên chủ động đổi mới hình thức tổ chức và lồng ghép giáo dục kỹ năng sống cho trẻ.

- Tổ chức các hoạt động lễ hội trong năm đa dạng về nội dung và hình thức.

1.2. Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 01/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường triển khai công tác xây dựng văn hóa học đường theo hướng gắn việc xây dựng và tổ chức thực hiện văn hóa học đường với việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục.

- Nhà trường triển khai hiệu quả công tác xây dựng văn hóa học đường gắn với xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, hạnh phúc.

- Đội ngũ CBGVNV thực hiện tốt quy tắc ứng xử trong trường học, tăng cường giáo dục lễ giáo, nề nếp và thói quen tốt cho trẻ.

1.3. Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025: tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động.

- Trong năm học, nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập, tuy nhiên nhà trường đã triển khai kế hoạch bồi dưỡng về trẻ khuyết tật cho đội ngũ CBGVNV nhà trường để đáp ứng các điều kiện sẵn sàng cho chương trình giáo dục hòa nhập.

2. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức dạy học

2.1. Giáo viên đổi mới phương pháp, cách thức thực hiện linh hoạt để tổ chức dạy học phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của trẻ.

- Giáo viên chủ động đổi mới phương pháp, vận dụng linh hoạt các hình thức tổ chức hoạt động cho trẻ. Chú trọng lấy trẻ làm trung tâm trong quá trình tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ.

- Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ, hoạt động Steam phù hợp với điều kiện thực tế tại trường.

3. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá

Nhà trường thực hiện đánh giá trẻ theo quy định, xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá phù hợp với kế hoạch dạy học; không kiểm tra, đánh giá vượt quá yêu cầu cần đạt hoặc mức độ cần đạt của chương trình

- Kết quả: trong năm học, 100% trẻ được đánh giá sự phát triển theo đúng quy định, trẻ đạt yêu cầu theo độ tuổi, mạnh dạn, tự tin, tích cực tham gia hoạt động.

- Kết quả đánh giá trẻ đợt 1 năm học 2025-2026 (05 lĩnh vực):

- + Phát triển thể chất: 89.21%
- + Phát triển nhận thức: 87.85%
- + Phát triển ngôn ngữ: 88.34%
- + Phát triển tình cảm xã hội: 89.4%
- + Phát triển thẩm mỹ: 87.56%

KHỐI	PT TC	PT NT	PT NN	PT TCXH	PT TCXH	GHI CHÚ
Mầm	87.83	87.26	85.7	87.88	84.91	
Chồi	89	87.24	88.87	89.59	88.72	
Lá	90.81	89.04	90.45	90.73	89.04	
Tổng cộng	89.21	87.85	88.34	89.4	87.56	

4. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho trẻ, việc xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, an toàn, vệ sinh; biện pháp khắc phục tình trạng dạy thêm, học thêm, thu sai quy định

a. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho trẻ

- Tổ chức tốt hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ, lồng ghép qua các hoạt động giáo dục hàng ngày.
- Thông qua sự gương mẫu của CBGVNV trong nhà trường, thực hiện nghiêm túc Bộ quy tắc ứng xử của trường.
- Tổ chức các hoạt động trải nghiệm, lễ hội mang tính giáo dục.

b. Việc xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, an toàn, vệ sinh

- Phát huy tính dân chủ trong nhà trường, thống nhất qua Hội nghị viên chức người lao động. CBGVNV được tham gia đóng góp ý kiến về các hoạt động của nhà trường.
- Nhà trường có khuôn viên công trường, biển trường, tường rào, hàng rào, sân vườn, cây xanh bảo đảm an toàn, vệ sinh phù hợp với cảnh quan, môi trường thân thiện. Có sân chơi, khu để xe phù hợp. Có khối phòng học, phòng phục vụ học tập đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát, có bàn ghế phù hợp với người học.
- Bảo đảm an ninh trật tự; an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống cháy nổ, phòng chống thảm họa thiên tai: xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện hiệu quả, cùng cố các ban chỉ đạo, phân công trách nhiệm từng thành viên. Báo cáo kịp thời kết quả hoạt động, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.
- Xây dựng, công khai và thực hiện nghiêm túc bộ quy tắc ứng xử văn hóa trong nhà trường.

- Thực hiện công tác y tế trường học: đảm bảo thực hiện hiệu quả, có nhân viên y tế phụ trách chăm sóc sức khỏe cho trẻ. Phòng y tế được trang bị đầy đủ các đồ dùng thiết bị cơ bản.
- Cuối năm 2025, trường đạt chuẩn đơn vị văn hóa theo quy định.

7. Phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục

- Giáo viên: 38 giáo viên. Trong đó: Đạt chuẩn và trên chuẩn: 36/38, Tỷ lệ 94,73%; Trong đó: Trên chuẩn: 27/38 (cử nhân GDMN) tỷ lệ 71,05%, đạt chuẩn: 9/36 (cao đẳng) tỷ lệ 25%, chưa đạt 2/36 (trung cấp) tỷ lệ: 5,56%.
- Đảm bảo về bố trí, sử dụng giáo viên đúng định mức giáo viên/lớp theo quy định và triển khai bồi dưỡng thường xuyên cho đội ngũ giáo viên.
- 100% triển khai hiệu quả đánh giá, bồi dưỡng CBQL, GVMN theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên và chuẩn Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng.
- Giáo viên tham gia các lớp nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho bản thân: 04 giáo viên (nâng cao trình độ Đại học)..
- Ứng dụng công nghệ thông tin trong sinh hoạt chuyên môn, tổ trưởng, tổ phó chuyên môn và giáo viên cốt cán chia sẻ kinh nghiệm, phương pháp dạy học tích cực.
- CBQL, GV tham gia lớp BDTX theo quy định.

9. Thực hiện đổi mới công tác quản lý giáo dục

- Nhà trường thực hiện quyền tự chủ trong xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế; tổ chức các hoạt động giáo dục linh hoạt trong và ngoài giờ lên lớp, trong và ngoài khuôn viên nhà trường.
- Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành và tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; sử dụng hiệu quả các phần mềm quản lý và hồ sơ điện tử.
- Thực hiện công tác quản lý theo hướng dân chủ, khoa học, linh hoạt; tăng cường phân công, phân cấp, phát huy vai trò trách nhiệm của tổ chuyên môn và giáo viên.

10. Tăng cường công tác truyền thông giáo dục

Trong năm học vừa qua, nhà trường tăng cường công tác truyền thông giáo dục, trong đó tập trung các nội dung như:

- Nhà trường có xây dựng kế hoạch truyền thông và ra quyết định phân công người phụ trách công tác truyền thông và thực hiện báo cáo theo yêu cầu của các cấp lãnh đạo.
- Nhà trường đã đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục mầm non, các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.
- Thực hiện tốt ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, truyền thông. Sử dụng mạng nội bộ báo cáo kịp thời, đúng thời gian và số liệu trong báo cáo.
- Nhóm CNTT hoạt động hiệu quả, thông tin được cập nhật nhanh chóng, kịp thời.
- Tuyên truyền phổ biến kiến thức nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ thông qua bảng tin tuyên truyền của trường, lớp, qua trang mạng xã hội (trang fanpage trường Mầm non Hoa

Mai – phường Bình Dương – Tp Hồ Chí Minh, zalo nhóm lớp), thông qua trang website <https://mnhoamai.phuongbinhduong.edu.vn> nhà trường.

Trên đây là báo cáo thường niên năm 2026 của trường Mầm non Hoa Mai, theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Phòng VH- XH phường BD;
- BCĐ thực hiện công khai;
- CBQL; TTCM, TTVP;
- Website trường;
- Lưu: VT.

Lê Thị Tuyết Mai